TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/DS-PT
Ngày: 16-3-2022
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp vô hiệu hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Những

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2022, về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp vô hiệu hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Cẩm N, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 39, khu phố X, Phường Y, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Như X, sinh năm 1993.

2. Ông Phan Thành Ng, sinh năm 1987.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Như X: Ông Phan Thành Ng, sinh năm 1987 (vắng mặt - có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 221, khu phố X, Phường Y, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ (vắng mặt - có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố K, Phường Y, thị xã Kiến T, tỉnh Long An

- *Người kháng cáo*: Ông Phan Thành Ng, bà Nguyễn Thị Như X là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại khởi kiện và phần trình bày của nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm N trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Bà N vay của vợ chồng ông Ng và bà X 400.000.000 đồng trong 02 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 07/01/2019 vay 300.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Khi nhận tiền vay đã cấn trừ 27.000.000 đồng tiền lãi tương ứng 03 tháng (từ ngày 07/01/2019 đến ngày 07/4/2019). Giao tiền vay tại quán của bà Nguyễn Thị Thùy Dung ở khu phố 4, Phường Y, thị xã Kiến T. Bà có ký hợp đồng ủy quyền thửa đất số 2169, tờ bản đồ số 4, vị trí đất tại Phường Y, thị xã Kiến T cho bà X nhằm đảm bảo cho khoản vay.

Sau khi nhận tiền vay thì bà cho mẹ con bà Nguyễn Thị Thùy Dung, Nguyễn Thị Thùy Dương vay lại 200.000.000 đồng, nhưng bà đồng ý cho bà Dương viết giấy nhận nợ với ông Ng. Bà Dương là người trực tiếp trả lãi cho ông Ng vào tháng 4, 5, 6/2019 đối với số tiền 200.000.000 đồng theo lãi suất 3%/tháng (tức 6.000.000 đồng/tháng). Bà trả lãi của khoản 100.000.000 đồng cho ông Ng tháng 4, 5, 6/2019. Sau đó, bà Dương trả 200.000.000 đồng cho bà nhưng bà chưa trả cho vợ chồng ông Ng nên bà tiếp tục trả lãi của khoản tiền 300.000.000 đồng đến hết tháng 12/2019 (trong đó tháng 4/2019 phải chịu lãi hai lần). Như vậy số tiền vay 300.000.000 đồng bà đã trả cho vợ chồng ông Ng được 12 tháng lãi là 108.000.000 đồng. Khi giao tiền lãi không lập biên nhận. Bà không còn giữ giấy vay tiền nên không cung cấp được cho Tòa án.

Lần 02: Ngày 20/8/2019 bà vay tiếp 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Khi nhận tiền vay đã cấn trừ trước 03 tháng lãi là 9.000.000 đồng (từ 20/8/2019 đến 20/11/2019). Sau đó bà tiếp tục trả lãi của tháng 11/2019, tháng 12/2019 thì ngưng (như vậy tháng 11/2019 trả lãi 02 lần, lý do là do ông Ng nói đến khi trả nợ không tính lãi nữa), tổng số tiền lãi bà đã trả 15.000.000 đồng.

Ngày 06/01/2020 bà X điện thoại cho bà đòi tiền lãi của khoản nợ 300.000.000 đồng là 9.000.000 đồng (có ghi âm), bà xin khất trả lãi 02 tháng do sắp đến tết nguyên đán và cưới con gái bà (cưới tháng 02/2020), bà X và ông Ng không đồng ý và nói nếu khất lãi thì tháng sau phải chịu lãi 5, lãi 8 (tức 5% và 8%/tháng).

Nội dung trong 13 đoạn ghi âm mà bà cung cấp là bà X và ông Ng yêu cầu trả lãi của khoản tiền vay 300.000.000 đồng và lãi của khoản 100.000.000 đồng theo thời hạn của từng khoản. Tuy nhiên bà khất lãi, vợ chồng ông Ng không đồng ý nên từ tháng 01/2020 đến nay bà không tiếp tục trả lãi nữa.

Như vậy, từ khi vay đến hết tháng 12/2019 bà đã thanh toán lãi là 108.000.000 đồng +15.000.000 đồng = 123.000.000 đồng. Theo bà N lãi suất nhà nước quy định là 1,25%/tháng. Nên tính từ khi vay tiền đến hết tháng 12/2019 bà chỉ phải chịu lãi tổng là 46.125.000.000 đồng, tiền lãi còn dư 76.875.000 đồng, yêu cầu ông Ng, bà X trả lại cho bà. Bà không đồng ý trả lãi tiếp vì bà phát hiện vợ chồng ông Ng đã sang tên nhà đất của bà.

Ngoài ra, yêu cầu ông Ng bồi thường cho bà 87.000.000 đồng do ông Ng khai báo gian dối với Tòa án làm bà phải tốn thời gian công sức trong quá trình khởi kiện.Yêu cầu bà X, ông Ng bồi thường thiệt hại chiếc tivi bị hư là 3.600.000 đồng (là giá ti vi bà mua ngày 15/12/2018) do bà X báo điện lực ngắt điện nhà trên thửa đất số 2169.

Bà N yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền ngày 07/01/2019 giữa bà N với bà Nguyễn Thị Như X đối với thửa đất số 2169, tờ bản đồ số 4, vị trí đất tại Phường Y, thị xã Kiến T; yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 08/7/2019 do bà X đại diện bà N ký chuyển nhượng cho ông Phan Thành Ng thửa đất số 2169; yêu cầu hủy thỏa thuận phân chia tài sản giữa bà X với ông Ng thửa đất số 2169. Bà N yêu cầu cho bà được trả 400.000.000 đồng tiền nợ vay gốc và 24.000.000 đồng tiền lãi tính từ tháng 01/2020 đến tháng 02/2020 cho ông Ng, bà X. Yêu cầu bà X, ông Ng trả 76.875.000 đồng tiền lãi bà đã đóng dư; yêu cầu bà X, ông Ng bồi thường thiệt hại số tiền 3.600.000 đồng do ngắt điện làm hư hỏng chiếc ti vi; yêu cầu ông Ng bồi thường thiệt hại 87.000.000 đồng.

Bà không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Ng bà X yêu cầu bà giao nhà đất thửa số 2169 và bồi thường 92.000.000 đồng. Nhà đất hiện nay bà đang quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa, bà N thay đổi về yêu cầu xác định số tiền lãi dư là 76.750.000 đồng (không phải là 76.875.000 đồng như đơn khởi kiện), bà đồng ý cấn trừ số tiền lãi trả dư vào số nợ vay gốc. Bà Không đồng ý trả tiếp số tiền lãi 24.000.000 đồng cho bị đơn.

Bị đơn ông Phan Thành Ng cũng là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Như X trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Ông Ng và bà X là vợ chồng. Ông thống nhất cho bà N vay tổng cộng 400.000.000 đồng đến nay chưa trả nên vợ chồng ông đã sang tên nhà đất thửa 2169 của bà N để trừ nợ. Việc vay mượn cụ thể như sau: Vợ chồng ông nhiều lần cho bà N vay tiền, các lần vay trước đã trả. Lần vay cuối cùng chưa trả là ngày 15/8/2019 300.000.000 đồng, ngày 20/8/2019 vay tiếp 100.000.000 đồng, làm giấy vay ghi tổng số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn ghi trong giấy 1 tháng, lãi suất 1,5%/tháng. Ngày 15/8/2019, vay 300.000.000 đồng có có viết giấy vay

nhưng đã xé bỏ. Thỏa thuận miệng nếu chậm trả lãi dưới 01 tháng thì chịu lãi 3 (tức 3%/tháng), chậm trả trên một tháng thì chịu lãi 5 (tức 5%/tháng). Các lần cho vay trước đây thì đúng là có cấn trừ tiền lãi trước nhưng lần vay 400.000.000 đồng vào tháng 8/2019 thì không cấn trừ.

Từ khi vay tiền đến nay bà N chưa trả được khoản gốc và lãi nào. Do đó không đồng ý với yêu cầu trả lại tiền lãi dư là 76.750.000 đồng.

Trước đó, ngày 07/01/2019 vợ chồng ông cho bà N vay 300.000.000 đồng có lập hợp đồng ủy quyền thửa đất số 2169, tờ bản đồ số 4 để bảo đảm cho số tiền vay, lãi 3%/tháng, giao tiền vay ở nhà ông, khi vay có làm giấy biên nhận nhưng bà N đã trả xong nợ nên đã xé bỏ không còn. Bà N cũng đã trả xong khoản nợ nhưng chưa hủy hợp đồng ủy quyền, vì bà N nhờ ông bán nhà đất giùm để trả nợ. Đến tháng 8/2019, bà N tiếp tục vay tổng 400.000.000 đồng, nay chưa trả như đã trình bày như ở trên.

Ngày 07/01/2019, tại nhà bà Nguyễn Thị Thùy Dung và Nguyễn Thị Thùy Dương ông có cho bà Dương (con bà Dung) vay 200.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng có bà N đứng ra bảo lãnh, bà Dương làm giấy vay với ông và trả lãi trực tiếp hàng tháng cho ông, còn tiền nợ vay gốc thì bà Dương đưa bà N trả nợ cho ông xong. Không liên quan đến khoản tiền bà N vay ông, không có việc bà N vay của vợ chồng ông rồi cho bà Dương vay lại.

Ông không đồng ý với yêu cầu đòi bồi thường 87.000.000 đồng như bà N yêu cầu. Không đồng ý bồi thường thiệt hại tivi 3.600.000 đồng.

Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N về yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản đối với thửa đất số 2169, tờ bản đồ số 4, vị trí đất tại Phường Y, thị xã Kiến T. Vì bà N không trả được tiền nợ vay nên vợ chồng ông mới sang tên nhà đất.

Hiện nhà đất thửa số 2169, tờ bản đồ số 4 bà X đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đây ông có giao giấy đất cho cơ quan thi hành án để thi hành khoản nợ của vợ chồng ông nhưng do đất đang tranh chấp với bà N nên thi hành án đã trả lại giấy đất. Ngoài ra, khi Tòa án hòa giải ông có trình bày thửa đất trên không thế chấp hay cầm cố cho ai. Tuy nhiên nay ông trình bày lại là vợ chồng ông đang thế chấp giấy đất cho người khác để vay tiền, về tài liệu chứng cứ và thông tin người nhận thế chấp thì ông không có và không thể cung cấp cho Tòa án, ông cũng không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về yêu cầu phản tố: Ông Ng và bà X yêu cầu bà N giao trả nhà đất thửa số 2169, tờ bản đồ số 4, tại Phường Y, thị xã Kiến T cho vợ chồng ông; yêu cầu bà N bồi thường thiệt hại về việc không giao nhà từ tháng 12/2019 đến ngày xét xử là 92.000.000 đồng. Căn cứ yêu cầu trả số tiền này là vì nếu bà N giao nhà đất thì ông có thể cho thuê lại theo giá thị trường là 4.000.000 đồng/tháng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ có đơn xin vắng mặt, có văn bản trình bày ý kiến: Khi thực hiên công chứng các văn bản công chứng nêu trên, Văn phòng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo

quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc. Văn phòng cung cấp toàn bộ hồ sơ công chứng nêu trên.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến T đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 124, 274, 275, 280, 463, 466, 468, 584 của Bộ luật Dân sự; Điều 42 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cẩm N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng dân sự về quyền sử dụng đất, tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với ông Phan Thành Ng và bà Nguyễn Thị Như X.

Tuyên vô hiệu Hợp đồng ủy quyền giữa bà Phạm Thị Cẩm N với bà Nguyễn Thị Như X ký ngày 07/01/2019 tại Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ theo số công chứng 89, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 2169, tờ bản đồ số 4, vị trí đất tại Phường Y, thị xã Kiến T.

Tuyên vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị Cẩm N (do bà Nguyễn Thị Như X đại diện) với ông Phan Thành Ng, ký ngày 08/7/2019 tại Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ theo số công chứng 3395, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 2169, tờ bản đồ số 4, vị trí đất tại Phường Y, thị xã Kiến T.

Tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Như X với ông Phan Thành Ng ký ngày 02/01/2020 tại Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ theo số công chứng 5, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 2169, tờ bản đồ số 4, vị trí đất tại Phường Y, thị xã Kiến T.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo quy định pháp luật.

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

2. Buộc bà Phạm Thị Cẩm N có nghĩa vụ trả cho ông Phan Thành Ng và bà Nguyễn Thị Như X số tiền nợ vay gốc 346.674.500 đồng (ba trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành

án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cẩm N yêu cầu ông Phan Thành Ng, bà Nguyễn Thị Như X trả 23.424.500 đồng tiền lãi đóng dư.

4. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Phạm Thị Cẩm N yêu cầu ông Phan Thành Ng bồi thường 87.000.000 đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Phạm Thị Cẩm N yêu cầu ông Phan Thành Ng, bà Nguyễn Thị Như X bồi thường 3.600.000 đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phan Thành Ng, bà Nguyễn Thị Như X yêu cầu bà Phạm Thị Cẩm N giao tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 2169, tờ bản đồ số 4, vị trí đất tại Phường Y, thị xã Kiến T; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phan Thành Ng, bà Nguyễn Thị Như X yêu cầu bà Phạm Thị Cẩm N bồi thường thiệt hại số tiền 92.000.000 đồng.

7. Về chi phí tố tụng: Ông Phan Thành Ng và bà Nguyễn Thị Như X phải liên đới chịu 7.000.000 đồng (gồm chi phí xem xét thẩm định, định giá, giám định), do bà N đã nộp tạm ứng nên ông Phan Thành Ng và bà Nguyễn Thị Như X có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Cẩm N 7.000.000 đồng.

8. Về án phí: Bà Phạm Thị Cẩm N phải nộp 23.035.000 án phí dân sự sơ thẩm. Bà N được khấu trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.109.000 đồng (cụ thể 2.334.000 đồng theo biên lai thu số 0009384 ngày 05/10/2020, số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009412 ngày 07/10/2020 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009554 ngày 06/01/2021 và 2.175.000 đồng theo biên lai thu số 0009679 ngày 27/5/2021 và 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009684 ngày 09/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự). Bà N còn phải nộp 7.926.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Thành Ng và bà Nguyễn Thị Như X phải liên đới nộp 5.200.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.800.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009597 ngày 10/3/2021 và 500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0009708 ngày 29/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến T. Ông Phan Thành Ng và bà Nguyễn Thị Như X còn phải tiếp tục nộp 2.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật,

Ngày 04/11/2021, bị đơn ông Phan Thành Ng, bà Nguyễn Thị Như X kháng cáo đề nghị tính lãi từ ngày bà N không thực hiện nghĩa vụ trả lãi từ tháng 01/2020 đến khi trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm N trình bày: Bà đóng lãi cho vợ chồng ông Ng, bà X đến hết tháng 12/2019 thì ngưng không đóng nữa. Tháng 7/2021, bà đã yêu cầu vợ chồng ông Ng trả lại cho bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà bán nhà, đất lấy tiền trả nợ cho vợ chồng ông Ng nhưng ông Ng không đồng ý nên bà chỉ đồng ý trả lãi theo mức lãi suất do nhà nước quy định đến hết tháng 12/2019 như bản án sơ thẩm đã xử, không đồng ý tiếp tục trả lãi. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Ng, bà X.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Các đương sự thống nhất bà Dung vay của ông Ng, bà X 400.000.000 đồng lãi suất 3% tháng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bên giao dịch chuyển nhượng đất nhằm đảm bảo số tiền vay 400.000.000 đồng, đồng thời điều tiết lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi trong khoản thời gian bà N trả lãi đến tháng 12/2019 là không đảm bảo quyền lợi của ông Ng, bà X. Ông Ng không yêu cầu trả gốc là lãi là do ông Ng phản tố yêu cầu giao nhà và đất. Trường hợp này bên vay có lãi nên tiền lãi được tính đến ngày trả xong nợ. Do đó, kháng cáo của bị đơn về yêu cầu tính lãi là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Thành Ng, bà Nguyễn Thị Như X được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm N có mặt. Bị đơn ông Phan Thành Ng, bà Nguyễn Thị Như X do ông Ng đại diện theo ủy quyền; Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ vắng mặt. Các đương sự có đơn đề nghị vắng mặt hợp lệ. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Phạm vi xét xử phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền ngày

07/01/2019 được xác lập giữa bà N với bà Nguyễn Thị Như X; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 08/7/2019; yêu cầu hủy thỏa thuận phân chia tài sản giữa bà X với ông Phan Thành Ng đối với thửa đất số 2169, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại Phường Y, thị xã Kiến T vì cho rằng tài sản trên bà ký cho vợ chồng ông Ng là để đảm bảo số tiền vay 400.000.000 đồng. Bà N yêu cầu cho bà được trả 400.000.000 đồng tiền nợ vay gốc và tiền lãi đến hết tháng 12/2019; không đồng ý trả lãi từ tháng 01/2020 đến nay; yêu cầu bà X, ông Ng trả 76.750.000 đồng tiền lãi bà đã đóng dư; yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 3.600.000 đồng do ngắt điện làm hư hỏng chiếc ti vi; yêu cầu ông Ng bồi thường thiệt hại 87.000.000 đồng do ông Ng khai báo gian dối với Tòa án làm bà phải tốn thời gian công sức trong quá trình khởi kiện.

Bị đơn ông Phan Thành Ng, bà Nguyễn Thị Như X do ông Ng đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông thống nhất cho bà N vay tổng cộng số tiền vay 400.000.000 đồng đến nay chưa trả nên vợ chồng ông đã sang tên nhà đất thửa số 2169 của bà N để trừ nợ, hiện do bà X đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc vay mượn cụ thể như sau: Vợ chồng ông nhiều lần cho bà N vay tiền, các lần vay trước đã trả. Lần vay cuối cùng chưa trả là ngày 15/8/2019 300.000.000 đồng, ngày 20/8/2019 vay tiếp 100.000.000 đồng, làm giấy vay ghi tổng số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn ghi trong giấy 1 tháng, lãi suất 1,5%/tháng. Hai bên thỏa thuận miệng nếu chậm trả lãi dưới 01 tháng thì chịu lãi 3%/tháng, chậm trả trên một tháng thì chịu lãi tức 5%/tháng. Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Ông Ng và bà X phản tố yêu cầu bà N giao trả nhà đất thửa số 2169, tờ bản đồ số 4, tại Phường Y, thị xã Kiến T cho vợ chồng ông; yêu cầu bà N bồi thường thiệt hại về việc không giao nhà từ tháng 12/2019 đến ngày xét xử là 92.000.000 đồng do bà N không giao nhà và đất làm cho ông bị mất thu nhập cho thuê mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yệu cầu của bị đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Ng, bà X kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị tiếp tục tính lãi từ tháng 01/2020 đến đến khi trả xong nợ. Các đương sự còn lại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét trong phạm vi liên quan đến nội dung kháng cáo của đương sự.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Thành Ng, bà Nguyễn Thị Như X, thấy rằng:

Các đương sự đều thống nhất số tiền bà N vay ông Ng, bà X là 400.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán, bà N đồng ý và yêu cầu giải quyết cho bà được thanh toán khoản vay cho bị đơn. Các bên thỏa thuận nếu bà vẫn trả lãi hàng tháng thì vợ chồng ông Ng không đòi nợ gốc. Như vậy, thực tế khi vay tiền giữa các bên

không thỏa thuận cụ thể thời hạn trả nợ vay nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định_đây là hợp đồng vay tài sản có lãi và không có kỳ hạn là phù hợp.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà N trình bày chỉ đồng ý trả nợ vay gốc và tiền lãi đến tháng 12/2019, không đồng ý trả tiếp lãi từ khi ngưng lãi là tháng 01/2020 đến nay. Trong khi đó bị đơn ông Ng và bà X có yêu cầu phản tố yêu cầu bà N giao nhà và đất, không yêu cầu bà N trả nợ vay gốc và lãi. Xét thấy, xuất phát từ quan hệ vay tài sản, để đảm bảo khoản nợ vay giữa bên vay và bên cho vay xác lập hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu, hợp đồng vay có hiệu lực nên giải quyết tiền vay giữa các bên. Đồng thời điều tiết tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự, tiền lãi bà N trả vượt mức quy định được cấn trừ vào tiền gốc và buộc bà N có nghĩa vụ trả cho ông Ng, bà X tiền nợ tính đến tháng 12/2019 với số tiền còn là nợ 346.674.500 đồng là phù hợp.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà N không đồng ý tiếp tục trả lãi từ tháng 01/2020 và ông Ng, bà X không yêu cầu trả gốc và lãi từ đó chấp nhận cho bà N điều tiết tiền lãi trong thời gian bà N trả lãi vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định mà không xem xét lãi đối với khoảng thời gian mà Nhung chưa thanh toán xong nợ là không đảm bảo quyền lợi của ông Ng, bà X được quy định tại Điều 469 Bộ Luật dân sự. Trong trường hợp này ông Ng, bà X được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản. Tiền lãi ông Ng, bà X yêu cầu bà N trả tiếp tục từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/11/2021 với mức lãi suất 20%/năm được quy định Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 22 tháng 15 ngày. Với số tiền là 130.002.937 đồng (tức 346.674.500 đồng x 22 tháng 15 ngày x 20%/năm).

Như vậy, bà Phạm Thị Cẩm N có nghĩa vụ trả cho ông Phan Thành Ng và bà Nguyễn Thị Như X số tiền nợ là 476.677.437 đồng (bốn trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng), trong đó bao gồm tiền gốc 346.674.500 đồng và tiền lãi 130.002.937 đồng

Từ những phân tích trên, chấp nhận kháng cáo của ông Ng, bà X; chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N phải chịu 23.067.097 đồng án phí đối với nghĩa vụ trả tiền nợ vay cho bị đơn, chịu 5.701.225 đồng án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, tổng án phí phải chịu 28.768.322 đồng.

Ông Ng, bà X phải liên đới chịu các khoản án phí gồm: 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu vô hiệu hợp đồng dân sự về quyền sử dụng đất; 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu giao tài sản không được chấp nhận; 4.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng số tiền án phí ông Ng và bà X phải liên đới nộp là 5.200.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Thành Ng và bà Nguyễn Thị Như X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[7] Các khoản khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Thành Ng và bà Nguyễn Thị Như X.

Sửa một phần quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến T.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 124, 274, 275, 280, 463, 466, 468, 584 của Bộ luật Dân sự; Điều 42 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cẩm N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng dân sự về quyền sử dụng đất, tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với ông Phan Thành Ng và bà Nguyễn Thị Như X.

Tuyên vô hiệu Hợp đồng ủy quyền giữa bà Phạm Thị Cẩm N với bà Nguyễn Thị Như X ký ngày 07/01/2019 tại Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ theo số công chứng 89, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 2169, tờ bản đồ số 4, vị trí đất tại Phường Y, thị xã Kiến T.

Tuyên vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị Cẩm N (do bà Nguyễn Thị Như X đại diện) với ông Phan Thành Ng, ký ngày 08/7/2019 tại Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ theo số công chứng 3395, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 2169, tờ bản đồ số 4, vị trí đất tại Phường Y, thị xã Kiến T.

Tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Như X với ông Phan Thành Ng ký ngày 02/01/2020 tại Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ theo số công chứng 5, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 2169, tờ bản đồ số 4, vị trí đất tại Phường Y, thị xã Kiến T.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo quy định pháp luật.

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

2. Buộc bà Phạm Thị Cẩm N có nghĩa vụ trả cho ông Phan Thành Ng và bà Nguyễn Thị Như X số tiền nợ là 476.677.437 đồng (bốn trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng), trong đó bao gồm tiền gốc 346.674.500 đồng và tiền lãi 130.002.937 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cẩm N yêu cầu ông Phan Thành Ng, bà Nguyễn Thị Như X trả 23.424.500 đồng tiền lãi đóng dư.

4. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Phạm Thị Cẩm N yêu cầu ông Phan Thành Ng bồi thường 87.000.000 đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Phạm Thị Cẩm N yêu cầu ông Phan Thành Ng, bà Nguyễn Thị Như X bồi thường 3.600.000 đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phan Thành Ng, bà Nguyễn Thị Như X yêu cầu bà Phạm Thị Cẩm N giao tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 2169, tờ bản đồ số 4, vị trí đất tại Phường Y, thị xã Kiến T; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phan Thành Ng, bà Nguyễn Thị Như X yêu cầu bà Phạm Thị Cẩm N bồi thường thiệt hại số tiền 92.000.000 đồng.

7. Về chi phí tố tụng: Ông Phan Thành Ng và bà Nguyễn Thị Như X phải liên đới chịu 7.000.000 đồng (gồm chi phí xem xét thẩm định, định giá, giám định), do bà N đã nộp tạm ứng nên ông Phan Thành Ng và bà Nguyễn Thị Như X có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Cẩm N 7.000.000 đồng.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Cẩm N phải chịu 28.768.322 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà N được khấu trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.109.000 đồng (cụ thể 2.334.000 đồng theo biên lai thu số 0009384 ngày 05/10/2020, số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009412 ngày 07/10/2020 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009554 ngày 06/01/2021 và 2.175.000 đồng theo biên lai thu số 0009679 ngày 27/5/2021 và 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009684 ngày 09/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự). Bà N còn phải nộp 13.659.322 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Thành Ng và bà Nguyễn Thị Như X phải liên đới chịu 5.200.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.800.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009597 ngày 10/3/2021 và 500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0009708 ngày 29/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến T. Ông Phan

Thành Ng và bà Nguyễn Thị Như X còn phải tiếp tục nộp 2.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Thành Ng và bà Nguyễn Thị Như X không phải chịu.

Hoàn trả cho ông Ng, bà X 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000539 ngày 04/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến T.

10. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

11. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND TX Kiến T;
- Chi cục TX Kiến T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm Phán

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Huỳnh Thị Hồng Vân